

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 1)
Dự án: bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua địa huyện Tân Phú (xã Phú Lâm)
Địa chỉ: xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thưởng di dời	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp					Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác				Đất trồng chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm				
				Tổng số	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác										Đất trồng chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm		
1	Diệp Văn Sáng và Bà Sĩ Thìn Sáng	Ấp Phú Thành, xã Phú Lâm	2.678,2	2.678,2	2.678,2									160.692.000	3.179.880		20.000.000	1.491.172.087			
2	Nguyễn Văn Quyết và Bà Lưu Thị Hiền	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.339,2	1.339,2	1.339,2									119.551.500	6.359.760		20.000.000	1.328.914.675			
3	Hoàng Văn Quang và Bà Ngô Thị Nhàn	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	541,2	541,2	541,2									48.708.000	6.359.760		16.000.000	410.353.795			
4	Lương Xuân Tự và Bà Bùi Thị Thọ	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.296,9	2.296,9	2.296,9									206.721.000	3.179.880		20.000.000	1.501.109.817			
5	Nguyễn Công Phi và Bà Trần Thị Thiệp	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	377,9	377,9	377,9							377,9		39.679.500	3.179.880		16.000.000	389.954.518			
6	Nguyễn Bá Tuyên và Bà Nguyễn Thị Mơ	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	276,6	276,6	276,6									21.286.500	3.179.880		12.000.000	169.024.559			
7	Hoàng Thị Cúc	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm	1.190	1.190	1.190									71.400.000			16.000.000	318.073.904			
8	Phạm Công Danh - Nguyễn Thị Kim Dung	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm	161,9	21,6	140,3												12.000.000	138.162.600			
9	Mai Chí Hiếu	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm	74,8	74,8													12.000.000	208.960.803			
10	Nguyễn Đức Hậu	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm	244,4	44,5	57,5							142,4		12.816.000	1.589.940		20.000.000	805.485.566			
11	Phạm Văn Đăng và Bà Vũ Thị Nhàn	Ấp Phú Hòa A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	175,1		175,1									10.506.000	3.179.880		12.000.000	112.186.128			

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)							Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thường đi đời	Tổng cộng
			DT đất nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp								Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác			
			Tổng số	DT đất nông nghiệp	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa chuyên trồng lúa							Đất trồng cây hàng năm		
12	Nguyễn Thanh Chương - Vũ Thị Hạnh	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	77,3					77,3		13.914.000	5.082.000	23.904.090	7.817.880	4.638.000	3.179.880	8.000.000	58.717.970	
13	Trần Văn Cước - Nguyễn Thị Kiều Thủy	Ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm	11,7		11,7					5.265.000	50.252.616					8.000.000	63.517.616	
14	Trần Thị Hật	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	74,8					74,8		20.675.900			6.416.340	4.826.400	1.589.940	4.000.000	31.092.240	
15	Mai Xuân Cảnh	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	95,1		95,1					27.579.000	156.989.520	4.138.542				12.000.000	200.707.062	
16	Bùi Thị Nụ	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	376,1		376,1					88.383.500	156.382.440	74.724.448	26.047.440	24.457.500	1.589.940	16.000.000	361.537.828	
17	Hoàng Thị Tuyết	ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	612		612					177.480.000	113.146.000	72.070.444	51.509.880	48.330.000	3.179.880	16.000.000	430.206.324	
18	Hoàng Văn Tuấn	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	1.175,2		1.175,2					340.808.000	699.528.904	183.585.721	69.962.760	63.603.000	6.359.760	20.000.000	1.313.885.385	
19	Hoàng Văn Tiêm	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	32,4		32,4					14.580.000	17.409.600					4.000.000	35.989.600	
20	Bùi Minh Tuệ - Phạm Thị Sen	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	26,1		26,1					11.745.000	23.342.255	820.957				4.000.000	39.908.212	
21	Nguyễn Xuân Quang và Bà Bùi Thị Thanh Thủy	ấp Phú Cường, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	6,5		6,5					2.925.000						2.000.000	4.925.000	
22	Bùi Nhật Trường	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm	5,7		5,7					2.565.000	3.912.000					2.000.000	8.477.000	
23	Nguyễn Tiến Lương và Bà Hoàng Thị Dung	ấp Phú Yên, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	4		4					1.800.000						2.000.000	3.800.000	
24	Hoàng Quang Tâm và Bà Lê Thị Hoàng Uyên	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	9,4		9,4					3.384.000						2.000.000	5.384.000	
25	Mai Văn Lương và Bà Trịnh Thị Kim Hà	ấp Phú Hạp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	20,1		20,1					9.045.000	2.445.000					2.000.000	13.490.000	

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thưởng đi đôi	Tổng cộng	
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp						TỔNG	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm				Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác					
			Tổng số	DT đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm													
26	Trần Thanh Hồ và Bà Mai Thị Thu Hương	Ấp Phú Dũng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	297,4	30	30	267,4	267,4					267,4		201.330.000	152.493.200	1.376.235	42.749.520	30.030.000	12.719.520		16.000.000	413.948.955
27	Đoàn Thị Mừng	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	8,3			8,3	8,3							3.735.000							2.000.000	5.735.000
28	Mai Văn Thái và Bà Nguyễn Thị Đậu	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	264,2			264,2						264,2		95.112.000	1.220.514	36.542.526	25.372.680	22.192.800	3.179.880		12.000.000	170.247.720
29	Mai Thế Anh - Đặng Thị Đào	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm	194,6	82,5	82,5	112,1	112,1							273.195.000	710.925.100	2.863.646					20.000.000	1.006.983.746
30	Phạm Quang Nam - Nguyễn Thị Được	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm	139,3	47,8	47,8	91,5	67,2					24,3		170.235.000	180.857.000	1.635.229					12.000.000	364.727.229
31	Nguyễn Đức Tuấn và Bà Mai Thị Nguyệt	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	159,2			159,2						159,2		71.640.000	113.836.248	1.889.000					12.000.000	199.365.248
32	Ngô Thanh Nam và Bà Nguyễn Thị Phương	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	146			146						146		34.310.000	674.470	24.656.136	14.129.880	10.950.000	3.179.880		8.000.000	81.770.486
33	Hoàng hải Tiến - Trần Thị Thu Nguyệt	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm	148,4			148,4	148,4							64.593.000	196.228.800	3.220.045	21.431.460	15.071.700	6.359.760		16.000.000	301.473.305
34	Bùi Thế Đường	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	276,6			276,6	276,6							65.001.000	16.296.476	36.312.974	22.334.940	20.745.000	1.589.940		12.000.000	151.945.390
35	Tạ Duy Bình - Võ Thị Muộn	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm	5			5	5							2.250.000	8.823.000	1.265.500					2.000.000	14.338.500
36	Ngô Quang Hưng - Phạm Thị Ngọc	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm	1.463,8			1.463,8						432,4	1.031,4	292.760.000	3.308.400	128.965.073	76.849.500	76.849.500			501.882.973	
37	Phạm Thị Ngọc	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	67,5			67,5						67,5		13.500.000		7.075.949	5.133.690	3.543.750	1.589.940		4.000.000	29.709.639
38	Nguyễn Minh Phong và Bà Lê Ngọc Văn	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.733,4			2.733,4	2.733,4							437.344.000	34.502.979	764.930.880	105.682.380	102.502.500	3.179.880		20.000.000	1.362.460.239

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thương di dời	Tổng cộng		
			DT đất nông nghiệp					DT đất Phi nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm							Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác						
			Tổng số	Đất ở	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác		Đất trồng cây chuyên trồng lúa	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại						Đất trồng cây hàng năm khác					
39	Nguyễn Tấn Phong và Bà Bùi Thị Nhạn	ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.216		1.216						1.216				136.216.624	5.617.507		48.779.880	45.600.000	3.179.880		16.000.000	401.174.011
40	Hà Đức Vinh	ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	813,9		813,9						813,9				133.665.210	63.247.541		35.163.315	33.573.375	1.589.940		16.000.000	394.578.066
41	Nguyễn Văn Hưng	ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.244,9		1.244,9						1.244,9				250.992.945	66.373.415		85.343.280	82.163.400	3.179.880		20.000.000	781.240.840
42	Lưu Ngọc Hán và Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.993,4		2.993,4						2.993,4				633.199.798	13.828.490		208.414.260	202.054.500	6.359.760		20.000.000	1.608.825.548
43	Ôn Thị Sang	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm	1.836		1.836						1.836			1.836	211.333.781	299.209.005		93.210.315	91.620.375	1.589.940		20.000.000	990.933.101
44	Trần Bá Tạc và Bà Trần Thị Huệ	ấp Phú Yên, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.672,1		2.672,1						2.672,1				376.063.368	1.704.000		106.563.510	100.203.750	6.359.760		20.000.000	931.866.878
45	Sỹ Lộc Múi	ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	930,7		930,7						930,7				186.810.092	21.835.694		77.828.190	76.238.250	1.589.940		20.000.000	641.525.976
46	Vương Ngọc Sinh và Bà Ka Phiên	ấp Phú Yên, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.168,7		2.168,7						2.168,7				275.763.122	15.189.857		87.682.260	81.322.500	6.359.760		20.000.000	745.627.239
47	Lưu Chữ Bình	ấp Phú Yên, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	458,7		458,7						458,7				90.405.832	8.785.038		18.791.190	17.201.250	1.589.940		12.000.000	203.374.060
48	Phùng Chân Hồi và Bà Sủ Chếch Khênh	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	3.610,5		3.610,5						3.610,5				336.583.231	272.186.724		328.124.880	324.945.000	3.179.880		20.000.000	2.003.939.835
49	Hầu A Sáng và Bà Gíp A Cầu	ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	272,3		272,3						272,3				50.766.072	57.782.130		17.475.630	14.295.750	3.179.880		12.000.000	192.483.832

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thưởng di dời	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp						Tổng	Đất trồng cây lâu năm				Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây hàng năm			
			Tổng số	Đất ở nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây hàng năm												
50	Voòng A Sáng và Bà Nguyễn Thị Kim Hương	ấp Phú Thảng, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.086,1		2.086,1							2.086,1	2.086,1					109.520.250	3.179.880	20.000.000	780.610.785
51	Trần Văn Thiệu	ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	911,5		911,5	245,6	665,9					911,5	245,6					82.035.000	3.179.880	20.000.000	525.143.896
52	Cao Đức Thịnh và Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	3.874,4		3.874,4	3.557,9						3.874,4	3.557,9		316,5			368.259.000	3.179.880	20.000.000	1.777.891.571
53	Phan Hùng Anh	ấp Phú Thạch, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	3.334		3.334	3.334						3.334	3.334					270.000.000	1.589.940	20.000.000	2.233.622.045
54	Cao Tiến và Bà Đoàn Thị Thu Nguyệt	ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	818,7		818,7	818,7						818,7	818,7					77.366.250	6.359.760	16.000.000	433.263.720
55	Nguyễn Thị Nhị (đúng giấy CNQSDĐ)- Nguyễn Thị Nhi (người sử dụng)	ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	3.447,1		3.447,1							3.447,1						180.972.750	6.359.760	20.000.000	812.196.960
56	Vũ Đức Huy và Bà Vũ Thị Văn	ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.889,7		1.889,7	1.889,7						1.889,7	1.889,7					141.727.500	6.359.760	20.000.000	1.248.715.157
57	Nguyễn Thị Thuý Nam - Nguyễn Hoàng Nam	ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	3.927,2		3.927,2							3.927,2						206.178.000	6.359.760	20.000.000	777.260.036
58	Nguyễn Hoàng Nam	ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	3.564,2		3.564,2							3.564,2						187.120.500	3.179.880		720.314.741
59	Nguyễn Hoàng Nam (tặng cho QSDĐ Trần Thị Thùy Trang)	ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	904,3		904,3							904,3						20.700.750	3.179.880	16.000.000	425.185.326
60	Chao Quốc Cơ và Bà Phạm Thị Nga	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	558,7		558,7							558,7						57.773.100		16.000.000	379.588.420
61	Cao Văn Bé Sáu - Đoàn Thị Hoa	ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	3.982,5		3.982,5							3.982,5						209.081.250	6.359.760	20.000.000	786.319.068

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thường đi đôi	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp						Tổng	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm				Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác				
			Tổng số	Đất ở tại nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm												
62	Hoàng Quốc Dũng - Thần Thị Thanh Tuyền	Ấp Thanh Thị, xã Phú Lâm	1.615,5		1.615,5						1.615,5	218.092.500	31.128.780	91.173.510	84.813.750	6.359.760		16.000.000	356.394.790		
63	Phạm Hồng Khanh (chết) - Nguyễn Ngọc Kiều (thừa kế)	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	420,9		420,9						420,9	189.405.000	14.629.734	25.240.380	22.060.500	3.179.880		20.000.000	622.624.614		
64	Bùi Văn Hóa và Bà Mai Thị Kim Hương	Ấp Phương Mai, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2.839,9		2.839,9			2.839,9				411.785.500	148.005.265	144.954.510	138.594.750	6.359.760		20.000.000	724.745.275		
65	Nguyễn Phán Phán - Nguyễn Thị Tơ	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm	5.546,4		5.546,4				5.546,4			804.228.000	20.549.412	297.545.760	291.186.000	6.359.760		20.000.000	1.142.323.172		
66	Nguyễn Thị Nụ	Ấp Thanh Thị 3, Xã Phú Lâm	577,8		577,8					577,8		83.781.000	2.140.749	33.514.380	30.334.500	3.179.880		12.000.000	131.436.129		
67	Lê Văn Tường - Phạm Thị Kim Tuyền	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm	2.031,9		2.031,9				2.031,9			426.699.000	7.528.190	173.991.510	167.631.750	6.359.760		20.000.000	628.218.700		
68	Nguyễn Văn Minh và Bà Vũ Thị Thanh Kim Huệ	Ấp Phú Hợp A, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	54,5		54,5							24.525.000	50.254.800					16.000.000	90.779.800		
69	Phạm Thanh Tùng - Võ Thị Thanh Hồng	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm	187,3		187,3				187,3			39.333.000	3.660.415	18.632.130	15.452.250	3.179.880		8.000.000	70.182.345		
70	Lữ Văn Long và Bà Trần Thị Đào	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	4.156		4.156				4.156			602.620.000	17.576.629	230.909.520	218.190.000	12.719.520		20.000.000	871.106.149		
71	Lê Văn Dân và Bà Phạm Thị Phương Loan	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.422,4		1.422,4				1.422,4			206.248.000	5.269.992	77.855.880	74.676.000	3.179.880		16.000.000	305.373.872		
72	Nguyễn Đức Dũng (đúng giấy) - Thân Văn Hải (chết) - Nguyễn Thị Nụ (người nhận chuyển nhượng)	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	997,9		997,9				997,9			144.695.500	3.697.220	55.569.630	52.389.750	3.179.880		16.000.000	219.962.350		
73	Nguyễn Thị Nụ	Ấp Phương Mai, xã Phú Lâm	899,9		899,9				899,9			130.485.500	3.334.130	48.834.690	47.244.750	1.589.940		12.000.000	194.654.320		
74	Nguyễn Văn Huân - Trần Thị Thủy Ngân	Ấp Thanh Thị 3, xã Phú Lâm	1.992		1.992				1.992			288.840.000	7.380.360	107.759.880	104.580.000	3.179.880		16.000.000	419.980.240		
75	Phạm Văn Trọng - Nguyễn Thị Hằng	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	990,4		990,4				990,4			143.608.000	3.669.432	55.175.880	51.996.000	3.179.880		16.000.000	218.453.312		

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)														Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Hỗ trợ các loại				Thường đi đôi	Tổng cộng
			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp										Tổng	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm				Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác				
			Tổng số	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm															
76	Lê Văn Lai - Nguyễn Thị Hà	Ấp Thanh Thợ 3, xã Phú Lâm	3.069,2		3.069,2			3.069,2								11.371.386	164.312.880	161.133.000	3.179.880		20.000.000	640.718.266			
77	Nguyễn Chu Tuyền - Nguyễn Thị Klm Cúc	Ấp Thanh Thợ 3, xã Phú Lâm	32,4		32,4					32,4						120.042	5.852.880	2.673.000	3.179.880		2.000.000	14.776.922			
78	Phạm Hữu Tuyền - Trần Thị Hằng	Ấp Thanh Thợ 3, xã Phú Lâm	116		116					116						429.780	9.269.880	6.090.000	3.179.880		4.000.000	30.519.660			
79	Cao Văn Mùi - Nguyễn Thị Ứng	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	6.200,8		6.200,8					6.200,8						22.973.964	331.901.760	325.542.000	6.359.760		20.000.000	1.273.991.724			
80	Nguyễn Song Hào - Phạm Thụy Tuyết Mai	Ấp Thanh Thợ, xã Phú Lâm	1.398,7		1.398,7					1.398,7						5.182.184	76.611.630	73.431.750	3.179.880		16.000.000	300.605.314			
Tổng			99.851,8	301,2	99.550,6	42.988,2	665,9	7.376,9	41.943,1	6.576,5		20.569.149.800	6.905.949.664	7.305.560.120	6.213.513.600	5.967.072.900	246.440.700				1.108.000.000	42.102.173.184			
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																						42.102.173.184			

Bảng chữ: Bốn mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm bốn mươi lăm, bốn

Bảng chữ: Bốn mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng

